

## **Phần 2. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

### **Chương V. YÊU CẦU VỀ KỸ THUẬT**

#### **1. Giới thiệu chung về gói thầu**

- Chủ đầu tư: Bệnh viện Đa khoa Hải Dương.
- Tên gói thầu: Cung ứng hóa chất nuôi cấy vi sinh phục vụ công tác chuyên môn 2026 - 2027 cho Bệnh viện Đa khoa Hải Dương.
- Địa điểm thực hiện: Bệnh viện Đa khoa Hải Dương.
- Hình thức đấu thầu: Đấu thầu rộng rãi, trong nước, qua mạng.
- Phương thức đấu thầu: 01 giai đoạn 01 túi hồ sơ.
- Thời gian thực hiện gói thầu: 18 tháng, kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.
- Nguồn vốn: Nguồn thu viện phí, bảo hiểm y tế.

#### **2. Yêu cầu về kỹ thuật**

##### **2.1 Tài liệu chứng minh về tính hợp lệ của hàng hóa:**

###### **a. Tài liệu kỹ thuật của hàng hóa:**

- Hàng hóa chào thầu phải có tài liệu chứng minh nguồn gốc xuất xứ rõ ràng, hợp pháp, mới 100%. Nhà thầu phải nêu rõ ký, mã hiệu, nhãn mác (nếu có) và xuất xứ của hàng hóa.

- Tài liệu kỹ thuật, catalogue của sản phẩm do nhà sản xuất công bố. Tài liệu phải được thể hiện bằng tiếng Việt. Hàng hóa nhập khẩu phải kèm tài liệu tiếng Anh của hãng sản xuất (*Các tài liệu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch thuật ra tiếng Việt và Nhà thầu chịu trách nhiệm về tính trung thực của bản dịch*).

- Nhà thầu phải đánh dấu (highlight) thông số cụ thể của hàng hóa đáp ứng yêu cầu kỹ thuật tại E-HSMT trên cả tài liệu Tiếng Việt và Tiếng Anh (nếu có). Trường hợp cần thiết, Chủ đầu tư có thể yêu cầu bổ sung Bản phát hành có xác nhận, đóng dấu của Hãng sản xuất hoặc Hãng chủ sở hữu kèm bản dịch thuật công chứng của cơ quan có thẩm quyền; Trong trường hợp có sự sai khác giữa bản dịch và bản gốc thì Chủ đầu tư sẽ đánh giá dựa vào bản gốc;

###### **b. Đối với hàng hóa là thiết bị y tế, cung cấp các tài liệu sau:**

- Bản phân loại thiết bị y tế theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định số 04/2025/NĐ-CP, Thông tư số 05/2022/TT-BYT và các quy định pháp luật hiện hành.

- Số lưu hành/Giấy phép nhập khẩu, còn hiệu lực hoặc được nhập khẩu theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP, Nghị định số 07/2023/NĐ-CP, Nghị định

04/2025/NĐ-CP, Thông tư số 05/2022/TT-BYT ngày 01/8/2022 và các quy định pháp luật hiện hành cụ thể:

+ Đối với thiết bị y tế loại A, B: Số công bố và Phiếu tiếp nhận (hoặc Phiếu thông tin) Hồ sơ công bố tiêu chuẩn áp dụng của thiết bị y tế trên Cổng thông tin điện tử Bộ Y tế;

+ Đối với thiết bị y tế loại C, D: Giấy chứng nhận đăng ký lưu hành hoặc giấy phép nhập khẩu theo quy định tại Điều 1 Nghị định số 04/2025/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.

- Số công bố và Phiếu tiếp nhận (hoặc Phiếu thông tin) hồ sơ công bố đủ điều kiện sản xuất đối với thiết bị y tế sản xuất trong nước theo quy định tại Nghị định số 98/2021/NĐ-CP và các quy định pháp luật hiện hành.

- Giấy chứng nhận nhà sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 13485 hoặc tương đương.

**c. Đối với hàng hóa là hóa chất thông thường, hàng hóa không phải là thiết bị y tế, cung cấp các tài liệu sau:**

- Giấy chứng nhận nhà sản xuất đáp ứng tiêu chuẩn chất lượng ISO 9001 hoặc tiêu chuẩn chất lượng mà nhà sản xuất công bố áp dụng hoặc tương đương (còn hiệu lực tối thiểu đến thời điểm đóng thầu).

**2.2 Cam kết của nhà thầu: Nhà thầu phải cung cấp bản cam kết thể hiện đầy đủ các nội dung cam kết như sau:**

- Các thông tin trong E-HSĐT là chính xác, hợp pháp và chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về các nội dung trên.

- Tài liệu kỹ thuật, catalogue của sản phẩm là do nhà sản xuất công bố. Trường hợp Chủ đầu tư phát hiện nhà thầu làm giả hoặc làm sai lệch thông tin hoặc cố ý cung cấp thông tin, tài liệu không trung thực trong E-HSĐT thì Chủ đầu tư sẽ loại bỏ E-HSĐT của nhà thầu và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định 214/2025/NĐ-CP.

- Hàng hóa cung ứng mới 100%, đủ điều kiện lưu hành theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Nhà thầu cam kết có năng lực thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.

- Cam kết thu hồi hàng hóa trong trường hợp đã giao hàng nhưng không đảm bảo chất lượng, hoặc có thông báo thu hồi của cơ quan có thẩm quyền mà nguyên nhân không do lỗi của Chủ đầu tư trong thời gian  $\leq 5$  ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư.

- Nhà thầu cam kết giao cho chủ đầu tư khi giao hàng: Đối với hàng hóa nhập khẩu: Bản gốc hoặc bản sao công chứng Giấy chứng nhận xuất xứ (CO), Giấy chứng nhận chất lượng (CQ); Bản sao tờ khai hải quan, vận đơn, packing list, Giấy phép nhập khẩu theo quy định hiện hành và các tài liệu chứng minh thiết bị được thông quan hợp pháp với đầy đủ thông tin về hàng hóa như trong hợp đồng. Đối với hàng hóa sản xuất tại Việt Nam: Giấy chứng nhận chất lượng xuất xưởng đối với các thiết bị sản xuất trong nước; Số lưu hành nếu hàng hóa là thiết bị y tế.

## 2.2 Yêu cầu kỹ thuật chi tiết

Yêu cầu thông số kỹ thuật quy định trong mục này là tối thiểu, ***nhà thầu có thể chào thầu những hàng hóa có thông số kỹ thuật tương đương hoặc tốt hơn.*** (Bất kỳ thương hiệu, ký mã hiệu (nếu có) trong tiêu chuẩn kỹ thuật chi tiết là để minh họa các tiêu chuẩn chất lượng, tính năng kỹ thuật. Vì vậy nhà thầu có thể chào các hàng hóa có thương hiệu, ký mã hiệu khác nhưng phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật, đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng “tương đương” hoặc “tốt hơn” so với yêu cầu của E-HSMT). ***Nhà thầu có quyền chào Quy cách đóng gói khác, miễn sao đáp ứng được khối lượng sử dụng tối thiểu theo Hồ sơ mời thầu.***

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo các mẫu sau:

+ **Bảng đáp ứng tính pháp lý hàng hóa (file word/excel đính kèm E-HSDT):**

TT	Tên hàng hóa	Tên thương mại (lưu ý trong trường hợp là vật tư y tế)	Mã hàng hóa (chỉ áp dụng đối với Vật tư y tế)	Ký mã hiệu / Nhãn mác sản phẩm	Tên nhà sản xuất, Chủ sở hữu (nếu có) Xuất xứ	Phân loại trang thiết bị y tế theo Nghị định 98/2021/NĐ-CP	Giấy phép bán hàng	Tiêu chuẩn chất lượng ISO, CE, ... (Ghi rõ ngày hết hạn)	Quy cách sản phẩm	Số lưu hành của TTBYT hoặc GPNK	Tài liệu sản phẩm
1	Theo HSMT	Tên hàng hóa: - Đối với vật tư y tế theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017; Thông tư số 24/2025/TT-BYT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các văn bản liên quan - Đối với các hàng hóa khác là TTBYT là theo kê khai giá.	- Đối với vật tư y tế là mã hàng hóa theo quy định tại Thông tư số 04/2017/TT-BYT ngày 14/4/2017; Thông tư số 24/2025/TT-BYT ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Y tế và các văn bản liên quan	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	Nêu rõ hàng hóa được phân loại nào kèm theo số văn bản pháp lý như sau: - Số công bố tiêu chuẩn áp dụng đối với trang thiết bị y tế thuộc loại A, B - Hoặc Số giấy chứng nhận đăng ký lưu hành đối với trang thiết bị y tế thuộc loại C, D - Hoặc Bảng phân loại TTBYT A, B, C, D	Ghi rõ đầy đủ toàn bộ quá trình: Tên cụ thể Chủ sở hữu TTBYT hoặc số lưu hành hoặc GPNK - > Nhà phân phối (nếu có) -> Nhà thầu	Theo hàng hóa thực tế (Ghi rõ ngày hết hạn)	Theo hàng hóa thực tế	Theo hàng hóa thực tế	- Catalog, Brochure, Hướng dẫn sử dụng (nếu có). - Tem nhãn, hình ảnh thực tế (nếu có). - Chứng từ nhập khẩu tham khảo (nếu có). - Tài liệu chứng minh hàng hóa đã được kê khai giá trang thiết bị y tế trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Y tế (Nếu có).

- Nhà thầu phải có bảng đáp ứng về kỹ thuật của hàng hóa chào thầu so sánh với yêu cầu kỹ thuật của E-HSMT (đính kèm file word/excel tại E-HSDT):

STT	Yêu cầu kỹ thuật của Hồ sơ mời thầu	Đáp ứng kỹ thuật của Hồ sơ dự thầu	Tài liệu kỹ thuật tham chiếu trong E-HSDT
(1)	(2)	(3)	(4)
1	Mô tả hàng hóa của E-HSMT	Mô tả hàng hóa của E-HSDT (chi tiết đáp ứng từng mục)	Trang ... của Catalog/Tài liệu kỹ thuật ... thuộc E-HSDT

**Chi tiết thông tin hàng hóa mời thầu:**

ST T	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT	Nhóm nước/vùng lãnh thổ	Hạn Sử dụng	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
1	Môi trường thạch Chocolate Agar + Multi Vitox	Môi trường thạch dùng sẵn được sử dụng để nuôi cấy các loài vi sinh vật khó mọc, đặc biệt Neisseria spp. và Haemophilus. Thành phần: Special peptone, Starch, Sodium chloride, defibrinated sheep blood, MultiVitox, Agar. Thông số cơ bản như trên hoặc tương đương	ISO 13485:2016	A	Việt Nam	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng		Đĩa	11.000
2	Môi trường thạch máu	Môi trường thạch dùng sẵn chứa môi trường sử dụng để nuôi cấy và thử tính chất tan máu của các loại vi sinh vật khó tính và không khó tính. Thành phần chính: Special peptone, Starch, Sodium chloride, Defibrinated Sheep blood, Agar. Thông số cơ bản như trên hoặc tương đương	ISO 13485:2016	A	Việt Nam	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng		Đĩa	36.000

ST T	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT	Nhóm nước/vùng lãnh thổ	Hạn Sử dụng	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
3	Chai cấy máu phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí từ máu và dịch vô khuẩn	Chai cấy máu phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện từ máu và dịch vô khuẩn của cơ thể, có bổ sung hạt hấp phụ kháng sinh, sử dụng với hệ thống cấy máu BacT/ALERT Thông số cơ bản như trên hoặc tương đương.	ISO 13485:2016	A	G7	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Chai $\geq 30$ ml	Chai	10.000
4	Chai cấy máu phát hiện vi khuẩn kỵ khí	Chai cấy máu phát hiện vi khuẩn kỵ khí, sử dụng với hệ thống cấy máu BacT/ALERT Thông số cơ bản như trên hoặc tương đương	ISO 13485:2016	A	G7	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Chai $\geq 30$ ml	Chai	10.000
5	Chai cấy máu phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí từ máu	Chai cấy máu có bổ sung hạt hấp phụ kháng sinh, phát hiện vi khuẩn hiếu khí và kỵ khí tùy tiện từ máu, dùng cho cấy máu trẻ em, sử dụng với hệ thống cấy máu BacT/ALERT Thông số cơ bản như trên hoặc tương đương	ISO 13485:2016	A	G7	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Chai $\geq 30$ ml	Chai	1.000
6	Thanh chứa kháng sinh Amoxicillin/clavulanic	Thanh chứa kháng sinh Amoxicillin/clavulanic với nồng độ từ 0,016-256 $\mu\text{g/ml}$ . Đóng từng thanh riêng rẽ.	ISO 13485:2016	B	G7	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp $\geq 30$ thanh	Thanh	270
7	Thanh chứa kháng sinh Amikacin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Amikacin nồng độ 0,016-256 $\mu\text{g/ml}$ , đóng từng thanh riêng rẽ.	ISO 13485:2016	B	G7	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp $\geq 30$ thanh	Thanh	60

ST T	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT	Nhóm nước/vùng lãnh thổ	Hạn Sử dụng	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
8	Thanh chứa kháng sinh Amoxicillin	Thanh chứa kháng sinh Amoxicillin nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ.	ISO 13485:2016	B	G7	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp $\geq 30$ thanh	Thanh	180
9	Thanh chứa kháng sinh Ampicillin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Ampicillin nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ.	ISO 13485:2016	B	G7	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp $\geq 30$ thanh	Thanh	90
10	Thanh chứa kháng sinh Ampicillin/sulbactam	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Ampicillin/sulbactam nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ.	ISO 13485:2016	B	G7	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp $\geq 30$ thanh	Thanh	90
11	Thanh chứa kháng sinh Benzylpenicillin	Thanh chứa kháng sinh Benzylpenicillin nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:2016	B	G7	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp $\geq 30$ thanh	Thanh	240
12	Thanh chứa kháng sinh Cefepime	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Cefepime nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ.	ISO 13485:2016	B	G7	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp $\geq 30$ thanh	Thanh	270

ST T	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT	Nhóm nước/vùng lãnh thổ	Hạn Sử dụng	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
13	Thanh chứa kháng sinh Cefoxitin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Cefoxitin nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:2016	B	G7	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp $\geq 30$ thanh	Thanh	60
14	Thanh chứa kháng sinh Ceftazidime	Thanh chứa kháng sinh Ceftazidime nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:2016	B	G7	Còn $\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp $\geq 30$ thanh	Thanh	180
15	Thanh chứa kháng sinh Ceftriaxone	Thanh chứa kháng sinh Ceftriaxone nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:2016	B	G7	$\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp $\geq 30$ thanh	Thanh	270
16	Thanh chứa kháng sinh Chloramphenicol	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Chloramphenicol nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:2016	B	G7	$\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp $\geq 30$ thanh	Thanh	90
17	Thanh chứa kháng sinh Ciprofloxacin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Ciprofloxacin nồng độ 0,002-32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ.	ISO 13485:2016	B	G7	$\geq 2/3$ hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp $\geq 30$ thanh	Thanh	60

ST T	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT	Nhóm nước/vùng lãnh thổ	Hạn Sử dụng	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
18	Thanh chứa kháng sinh Doxycycline	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Doxycycline nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ.	ISO 13485:2016	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	90
19	Thanh chứa kháng sinh Erythromycin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Erythromycin nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ.	ISO 13485:2016	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	60
20	Thanh chứa kháng sinh Imipenem	Thanh chứa kháng sinh Imipenem nồng độ 0.002 -32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:2016	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	120
21	Thanh chứa kháng sinh Levofloxacin	Thanh chứa kháng sinh Levofloxacin nồng độ 0.002 -32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:2016	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	90
22	Thanh chứa kháng sinh Meropenem	Thanh chứa kháng sinh Meropenem nồng độ 0.002 -32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:2016	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	180

ST T	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT	Nhóm nước/vùng lãnh thổ	Hạn Sử dụng	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
23	Thanh chứa kháng sinh Trimethoprim/sulphamethoxazole	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Trimethoprim/sulphamethoxazole nồng độ 0,002-32 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ.	ISO 13485:2016	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	90
24	Thanh chứa kháng sinh Tobramycin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Tobramycin nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ.	ISO 13485:2016	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	60
25	Thanh chứa kháng sinh Vancomycin	Thanh chứa kháng sinh Vancomycin nồng độ 0,016 - 256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:2016	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	1.200
26	Thanh chứa kháng sinh Azithromycin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Azithromycin nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ.	ISO 13485:2016	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	60
27	Thanh chứa kháng sinh Cefotaxime	Thanh chứa kháng sinh Cefotaxime nồng độ 0.002-32 µg/ml. đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:2016	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	270
28	Thanh chứa kháng sinh Cefuroxime	Thanh chứa kháng sinh Cefuroxime: nồng độ 0,016-256 µg/ml đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:2016	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	270

ST T	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật cơ bản	Tiêu chuẩn chất lượng	Phân loại TTBYT	Nhóm nước/vùng lãnh thổ	Hạn Sử dụng	Quy cách đóng gói	ĐVT	Số lượng
						hóa, tính từ lúc giao hàng			
29	Thanh chứa kháng sinh Clindamycin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Clindamycin nồng độ 0,016-256 µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:201 6	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	120
30	Thanh chứa kháng sinh Ertapenem	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Ertapenem nồng độ 0,002-32µg/ml, đóng từng thanh riêng rẽ	ISO 13485:201 6	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	120
31	Thanh chứa kháng sinh Gentamicin	Thanh nhựa mỏng chứa kháng sinh Gentamicin nồng độ 0,016-256 µg/ml.	ISO 13485:201 6	B	G7	≥ 2/3 hạn sử dụng ghi trên bao bì của hàng hóa, tính từ lúc giao hàng	Hộp ≥ 30 thanh	Thanh	60